TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/DS-ST
Ngày: 19-8-2024
V/v "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân.

Bà Nguyễn Xuân Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Gia Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Kim G (Gái), sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị N (Gái), sinh năm 1968 (có mặt).

Ông Dương Văn H, sinh năm 1965 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2024 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Kim G trình bày:

Nguyên bà Trần Thị N là chủ hụi và chị là hụi viên. Chị có tham gia 02 dây hụi với tên trong danh sách hụi viên là "Em gái 7 Nói" do bà N làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng mở hụi ngày 25/02/2022 (âm lịch), hụi tháng mở một lần. Hụi gồm 22 phần, chị tham gia 02 phần. Hụi mãn vào ngày 25/11/2023 (âm lịch). Chị đóng được 20 kỳ, đến ngày 25/10/2023 (âm lịch) thì

bà N tuyên bố vỡ hụi. Chị là người hốt cuối nên dây hụi này xem như đã mãn, do đó chị yêu cầu tính hụi theo giá hụi chết (giá các hụi viên đã hốt và đóng lại) với số tiền: 20 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ x 02 phần = 80.000.000 đồng

- Dây hụi 2.000.000 đồng mở hụi ngày 30/01/2023 (âm lịch), hụi tháng mở một lần. Hụi gồm 26 phần, chị tham gia 01 phần. Hụi mãn vào ngày 30/10/2024 (âm lịch). Chị đóng được 09 kỳ, đến ngày 25/10/2023 (âm lịch) thì bà N tuyên bố vỡ hụi. Chị đồng ý tính hụi mỗi kỳ với số tiền 1.500.000 đồng, thành tiền 9 kỳ x 1.500.000 đồng x 1 phần = 13.500.000 đồng.

Tổng cộng, bà N nợ 02 dây hụi trên của chị với số tiền là 80.000.000 đồng + 13.500.000 đồng = 93.500.000 đồng.

Sau khi chốt hụi bà N trả cho chị được 03 lần với số tiền 15.000.000 đồng, cụ thể: 12/12/2023 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng; 30/12/2023 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng và ngày 29/3/2024 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng. Đối với ông Dương Văn H, quá trình chị tham gia hụi của bà N, đến kỳ đóng hụi bà N và ông H đến nhà gặp chị để nhận tiền hụi. Riêng ông H có đến nhà chị để nhận tiền hụi thay cho bà N khoảng 4, 5 lần. Do đó, nay chị yêu cầu bà N và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền hụi còn nợ lại của 02 dây hụi là 93.500.000 đồng – 15.000.000 đồng = 78.500.000 đồng.

Bị đơn – bà Trần Thị N trình bày:

Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị Trương Thị Kim G về việc chị G có tham gia 02 dây hụi, thời gian mở hụi, mãn hụi, số phần hụi của mỗi dây hụi, số phần hụi chị G đã tham gia và số kỳ hụi chị G đã đóng. Tuy nhiên, đối với dây hụi 2.000.000 đồng mở hụi ngày 25/02/2022 (âm lịch) bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị G với giá 2.000.000 đồng x 20 lần x 02 phần = 80.000.000 đồng. Bà chỉ đồng ý trả cho chị G với giá là 1.800.000 đồng x 20 lần x 02 phần = 72.000.000 đồng. Đối với dây hụi 2.000.000 đồng mở hụi ngày 30/01/2023 (âm lịch) thì bà đồng ý trả số tiền 13.500.000 đồng cho chị G.

Sau khi tuyên bố vỡ hụi bà đã trả cho chị G tổng cộng 04 lần với số tiền 32.000.000 đồng, cụ thể như sau: ngày 13/11/2023 (âm lịch) trả 12.000.000 đồng; ngày 20/12/2023 (âm lịch) trả 8.000.000 đồng; ngày 20/02/2024 (âm lịch) trả 5.000.000 đồng và ngày 28/3/2024 (âm lịch) trả 7.000.000 đồng. Tất cả các lần trả bà có ghi xác nhận vào sổ cá nhân của bà để theo dõi, hai bên không ký tên. Tổng cộng bà nợ chị G tiền hụi của 02 dây hụi trên là 72.000.000 đồng + 13.500.000 đồng = 85.500.000 đồng – 32.000.000 đồng = 53.500.000 đồng.

Ông Dương Văn H là chồng của bà không liên quan đến việc giao dịch hụi giữa bà với chị G. Bà làm hụi riêng, thu nhập có được từ việc làm thảo hụi bà dùng để khám chữa bệnh cho bản thân và đóng thay hụi cho các hụi viên vi phạm nghĩa vụ sau khi đã được đăng hụi. Nên bà đồng ý một mình có nghĩa vụ trả cho chị G số tiền hụi còn nợ lại của 02 dây hụi là 53.500.000 đồng.

Bị đơn – ông Dương Văn H trình bày:

Ông biết bà N làm chủ hụi cách nay khoảng 4 – 5 năm nhưng cụ thể vào năm nào, hụi gồm bao nhiêu dây, mỗi dây có bao nhiêu phần và có những ai tham gia, quá trình giao dịch hụi diễn ra cụ thể như thế nào giữa chị G và bà N thì ông không biết. Quá trình bà N làm chủ hụi có những người sau khi hốt hụi không đóng lại, ông yêu cầu bà N ngưng không làm chủ hụi nữa nhưng bà N vẫn tiếp tục làm. Trước đây hàng tháng khoảng 11 giờ ông thấy các hụi viên có tập hợp tại nhà chung của vợ chồng ông tại ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh để kêu hụi, nhưng ông không trực tiếp tham gia chứng kiến mà bỏ đi ra ngoài. Và ông cũng không lần nào nhận thay tiền hụi của các hụi viên góp hụi cho bà N.

Nguồn thu nhập có được từ việc làm thảo hụi thì bà N dùng làm chi phí điều trị bệnh cho cá nhân vì bà N có rất nhiều bệnh phải điều trị thường xuyên và đóng thay hụi cho các hụi viên đã hốt hụi nhưng không đóng lại. Bà N không dùng chi phí từ việc làm thảo hụi để chi tiêu cho sinh hoạt chung của gia đình. Các chi phí cho việc chi tiêu sinh hoạt thiết yếu trong gia đình và chữa bệnh cho ông từ thu nhập của công việc ươm và bán cây cao su giống của cá nhân ông.

Nay ông xác định không liên quan đến giao dịch hụi giữa chị G với bà N. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị G về việc yêu cầu bà N và ông có nghĩa vụ liên đới trả cho chị G số tiền hụi còn nợ lại là 78.500.000 đồng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Kim G. Buộc ông Dương Văn H và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị G số tiền hụi 78.500.000 đồng. Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi" được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Ông Dương Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy

định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

* Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Kim G thì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Trần Thị N thừa nhận còn nợ lại chị G 02 dây hụi 2.000.000 đồng và các phần hụi chị G đã đóng như lời trình bày của chị G. Tuy nhiên, đối với dây hụi khui ngày 25/02/2022 (âm lịch) bà chỉ đồng ý trả cho chị G với giá 1.800.000 đồng/kỳ, không đồng ý trả với giá 2.000.000 đồng/kỳ như yêu cầu của chị G. Sau khi ngưng hụi bà đã trả cho chị G được 04 lần với tổng số tiền 32.000.000 đồng. Do đó, bà không đồng ý trả 78.500.000 đồng theo yêu cầu của chị G, bà chỉ đồng ý trả cho chị G 53.500.000 đồng.

[2] Xét thấy, tại phiên toà bà N xác định bà tuyên bố vỡ hụi từ tháng 10/2023 (âm lịch) và chị G là người hốt cuối đối với dây hụi khui ngày 25/02/2022 (âm lịch).

[3] Tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về Nghĩa vụ của thành viên là: trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh họ (hốt hụi) khi được lĩnh họ. Và tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định nêu trên quy định về nghĩa vụ của chủ họ là: phải giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà N trình bày: Bà làm hụi riêng, thu nhập có được từ việc làm thảo hụi bà dùng để khám chữa bệnh cho bản thân và đóng hụi thay cho các hụi viên đã hốt (lĩnh) hụi nhưng không đóng. Ông Dương Văn H không liên quan đến giao dịch hụi giữa bà với chị G, nên bà đồng ý một mình có nghĩa vụ trả tiền hụi cho chị G.

[5] Đối với số tiền đã trả sau khi tuyên bố vỡ hụi: Bà N trình bày đã trả cho chị G 04 lần với tổng số tiền 32.000.000 đồng và bà chỉ ghi vào sổ cá nhân để theo dõi, không yêu cầu chị G ký tên xác nhận. Chị G chỉ thừa nhận có nhận từ bà N 03 lần với số tiền 15.000.000 đồng.

[6] Đối với ông Dương Văn H: Quá trình giải quyết vụ án ông H trình bày ông không liên quan đến việc giao dịch hụi giữa bà N với chị G, nên không đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trả tiền theo yêu cầu của chị G.

[7] Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2024 (bút lục 22) ông H trình bày: *"...Khoảng 02 năm nay bà N có nhiều bệnh như tim, cột sống, bao tử, ... phải đi điều trị thường xuyên tại các Bệnh viện của Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó có bệnh cột sống bà N phải đi mổ 02 lần tại Bệnh viện C... Nguồn thu nhập có được từ việc làm thảo hụi thì bà N dùng làm chi phí điều trị bệnh cho cá nhân bà N và đóng thay hụi cho các hụi viên đã hốt hụi nhưng không đóng lại hụi chết..."*.

[8] Tại khoản 1, 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định*

tại khoản 1 Điều 30 ... 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này."

[9] Tại khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình."*

[10] Tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: *"Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;"*.

[11] Tại khoản 20 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình."*

[12] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở kết luận giao dịch góp hụi giữa chị G với bà N là giao dịch dân sự hợp pháp. Việc bà N tham gia hụi với tư cách là chủ hụi nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong việc khám chữa bệnh cho bản thân. Xét thấy lời trình bày của chị G là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị G. Buộc ông Dương Văn H và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị G số tiền hụi gốc còn nợ lại 78.500.000 đồng.

[13] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Ông Dương Văn H và bà Trần Thị N phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Kim G được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Kim G đối với ông Dương Văn H và bà Trần Thị N về việc "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi".

Buộc ông Dương Văn H và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trương Thị Kim G số tiền hụi 78.500.000 đồng (bảy mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Dương Văn H và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới chịu 3.925.000 (ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trương Thị Kim G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.125.000 (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009297 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Phượng